

Phụ lục
NỘI DUNG, TỶ LỆ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC CẤP
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2056 /QĐ-UBND ngày 05 /8/2022
của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
1	Công tác thông tin, tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp; kinh phí quản lý thực hiện chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới (NTM); thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM	100% từ ngân sách nhà nước; mức chi cụ thể theo quy định hiện hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng đào tạo nghề lao động nông thôn, các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo bố trí từ kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.					
2	Rà soát, điều chỉnh, lập mới quy hoạch cấp xã; quy hoạch chi tiết trung tâm xã, khu chức năng	Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%, bình quân không quá 350 triệu đồng/xã; phần còn lại do ngân sách cấp huyện bố trí. Cấp huyện căn cứ dân số, diện tích, nội dung rà soát quy hoạch của từng xã (kể cả quy hoạch chi tiết) để quyết định mức kinh phí rà soát quy hoạch phù hợp, nhưng không quá tỷ lệ, mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh quy định nêu trên. Giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ ít nhất 50% số xã để rà soát quy hoạch.					
3	Xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp: Trường học (MN, TH, THCS); trạm y tế xã; cầu dân sinh (cầu đầu tư bằng dự án riêng); nhà văn hóa xã; khu thể thao xã; nhà văn hóa thôn, nhà làng truyền thống; khu thể thao thôn; chợ nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã, hạ tầng thương mại nông thôn; xây dựng, cải tạo nghĩa trang nhân dân; thoát, xử lý nước thải khu dân cư; cải tạo nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện nông thôn (kể cả di dời trụ điện, trụ viễn thông, hoàn thiện hệ thống điện sau công tơ); cơ sở hạ tầng bảo vệ	70	30 (trong đó NS huyện tối thiểu 20)	80	20 (trong đó NS huyện tối thiểu 15)	90	10

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
	môi trường nông thôn, cảnh quan nông thôn (bồn hoa, cây xanh, vỉa hè, chỉnh trang khu trung tâm xã, thôn; điện chiếu sáng; các công trình, hạng mục vệ sinh môi trường nông thôn, điểm trung chuyển rác); công trình cấp nước sinh hoạt; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn; bê tông hóa, cứng hóa đường giao thông nội đồng, cống thoát nước đường giao thông nội đồng; hỗ trợ đầu tư hạ tầng các điểm du lịch nông thôn (bao gồm du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề)						
4	Khu, điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Ngân sách tỉnh 70	30 (trong đó NS huyện tối thiểu 20)	Ngân sách tỉnh 80	20 (trong đó NS huyện tối thiểu 15)	Ngân sách tỉnh 90	10
5	Cảnh quan môi trường nông thôn (hỗ trợ phát triển đường cây xanh bóng mát)	70	30 (trong đó NS huyện tối thiểu 20)	80	20 (trong đó NS huyện tối thiểu 15)	90	10
6	Giao thông nông thôn và cống hộp trên đường giao thông nông thôn	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.					
7	Thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.					
8	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi, phát triển sản xuất cộng đồng, dự án phát triển kinh tế nông thôn; truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo các quy định hiện hành của Trung ương (Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018, Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, các Quyết định phê duyệt các Đề án					

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
	VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gần mã vùng trồng; hỗ trợ doanh nghiệp, HTX khởi nghiệp, sáng tạo; khuyến nông, khuyến công; chuyển giao khoa học công nghệ; kinh tế vườn – kinh tế trang trại; tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng NTM; mua sắm thiết bị nhà văn hóa xã...	chuyên đề của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của các Bộ) và các Nghị quyết của HĐND tỉnh (Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021, Nghị quyết 05/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020, Nghị quyết 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019, Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 02/11/2020, Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022, Nghị quyết số 139/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021, Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 và các Nghị quyết HĐND tỉnh có liên quan.....)					
9	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025, Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021- 2025 và Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025.					
10	Hỗ trợ xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh tối đa 500 triệu đồng/thôn đối với thôn xây dựng mới, trong giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ ít nhất 320 thôn; ngân sách cấp huyện, xã đối ứng ít nhất 200 triệu đồng/thôn (HĐND cấp huyện xem xét cân đối hỗ trợ đối ứng cho các xã có nguồn thu thấp). Đối với thôn đã đạt chuẩn trong giai đoạn 2016-2020 và các thôn giai đoạn 2016-2020 đã được hỗ trợ ngân sách tỉnh nhưng chưa đạt chuẩn, đề nghị cân đối ngân sách địa phương và lồng ghép từ các nguồn để thực hiện duy trì, đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu.					
11	Hỗ trợ nhân rộng mô hình điển hình, tiên tiến trong xây dựng NTM	Tỷ lệ hỗ trợ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: 70% đối với khu vực 1, 80% đối với khu vực 2 và 90% đối với khu vực 3; phần còn lại do ngân sách địa phương và huy động khác. Đối với nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến do các sở, ngành, hội đoàn thể cấp tỉnh tổ chức thực hiện thì ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%. Căn cứ xây dựng kế hoạch, dự toán đối với từng lĩnh vực điển hình, tiên tiến là các quy định hiện hành của Nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến từng lĩnh vực cần nhân rộng, đối với những nội dung chưa có quy định, định mức thì tham khảo theo giá trị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm để lập dự toán.					
12	Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	Mức hỗ trợ áp dụng theo Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh về hỗ trợ xây dựng hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh.					

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
13	Hỗ trợ đầu tư các tiêu chí hạ tầng của tiêu chí huyện NTM, huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu (tiêu chí cấp huyện), như: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; Chương trình OCOP; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp... và các công trình liên quan theo tiêu chí NTM cấp huyện	- Đối với đầu tư đường huyện (ĐH): Tỷ lệ, mức hỗ trợ áp dụng theo cơ chế tài chính quy định tại Nghị quyết 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về kiên cố hóa hệ thống đường huyện và giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025. - Các nội dung khác: + Huyện đồng bằng (Phú Ninh, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành, Quế Sơn, Đại Lộc): Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Tối đa 70%; phần còn lại ngân sách huyện và huy động khác. + Huyện miền núi thấp (Nông Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức): Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Tối đa 80%; phần còn lại ngân sách huyện và huy động khác. + Huyện miền núi cao (Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Đông Giang): Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh: Tối đa 90%; phần còn lại ngân sách huyện và huy động khác. * Nếu công trình thuộc tiêu chí NTM cấp huyện chỉ sử dụng 01 nguồn ngân sách trung ương thì ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 70% đối với các huyện miền núi và tối đa 50% đối với các huyện đồng bằng (kể cả đầu tư đường huyện). Phần còn lại ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và huy động khác.					
14	Thưởng trong phong trào thi đua Quảng Nam chung sức xây dựng nông thôn mới	Thưởng công trình phúc lợi cho các địa phương có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua: UBND tỉnh ban hành quy định để tổ chức thực hiện và phân bổ kinh phí thưởng hằng năm, trong đó ưu tiên thưởng cho các địa phương không được hỗ trợ nguồn lực nhưng đạt chuẩn NTM, thưởng cho cộng đồng, cho thôn thực hiện tốt các phong trào thi đua.					
15	Thưởng tại các cuộc thi trong xây dựng nông thôn mới	Thưởng cho các đơn vị, cá nhân đạt giải tại các cuộc thi trong xây dựng NTM: UBND tỉnh quy định nội dung thi, mức thưởng, cơ cấu giải thưởng cho phù hợp theo nội dung thi, tính chất cuộc thi.					
16	Các nội dung khác có liên quan trong Chương trình NTM (Hội nghị, hội thảo, trực báo; công tác phí; hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; sự nghiệp môi trường; mua sắm trang thiết bị văn hóa thôn, dụng cụ thể thao, văn hóa, y tế; mô hình an ninh trật tự; công	Thực hiện theo các định mức, quy định hiện hành của Nhà nước (lập dự toán chi tiết trình cấp thẩm quyền phê duyệt để thực hiện). Căn đối thêm từ kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh trong dự toán của các sở, ngành để thực hiện. Ngân sách cấp huyện, xã bố trí kinh phí để quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình NTM trên địa bàn.					

TT	Nội dung	Tỷ lệ hỗ trợ (%) theo tổng mức đầu tư hoặc dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt					
		Khu vực 1		Khu vực 2		Khu vực 3	
		Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác	Trung ương, tỉnh	Huyện, xã và nguồn khác
	tác đánh giá, thẩm tra, thẩm định xét công nhận, lấy ý kiến hài lòng người dân; lễ công bố, phát động; thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; các nội dung khác nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn						

*** Ghi chú:**

- Các nội dung hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh nêu trên không bao gồm kinh phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng; các địa phương (cấp huyện, xã) có trách nhiệm cân đối nguồn vốn từ ngân sách địa phương để bố trí kinh phí thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Riêng đối với hỗ trợ nghĩa trang nhân dân, địa phương được sử dụng một phần ngân sách tỉnh (trong định mức) để hỗ trợ giải phóng mặt bằng, nhưng tổng kinh phí xây dựng và giải phóng mặt bằng không vượt tỷ lệ ngân sách tỉnh theo quy định.

- Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.